

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD**  
TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU THÉP  
M? H ỌC PHẦN : CIE - 378

HỌC KỲ 4  
TÍN CHỈ 2  
LẦN THI 1

Ngày thi: 25/06/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152210186	ĐOÀN VIỆT	VƯƠNG	T16XDD1	8			3		5			0	0.0	Khăng		
2	152210247	ĐẶNG SĨ	TRỌNG	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
3	168211980	TRẦN TÂN	ANH	T16XDD1	8			7		4			1.5	0.0	Khăng		
4	168211983	HOÀNG THÁI	B?NH	T16XDD1	8			3		5			1.5	0.0	Khăng		
5	168211984	NGUYỄN TẮT	CẦN	T16XDD1	7			8		5			5	5.8	Nằm pháy Tam		
6	168211985	HUỶNH NGỌC	CHÍ	T16XDD1	7			6		9			2	0.0	Khăng		
7	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	8			6		6			4	5.2	Nằm pháy Hai		
8	168211987	PHẠM NGỌC	CÔNG	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
9	168211989	NGUYỄN CAO	CUÔNG	T16XDD1	5			9.5		6			4	5.3	Nằm pháy Ba		
10	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	9			7		4			1	0.0	Khăng		
11	168211993	PHẠM VIỆT	HẢI	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
12	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	6			3		4			3.5	0.0	Khăng		
13	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	10			5		10			6	7.1	Bay pháy Mâu		
14	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀNG	T16XDD1	10			7		7			9	8.6	Tam pháy Sáu		
15	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	6			3		4			9	6.9	Sau pháy Chèn		
16	168212000	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	T16XDD1	7			4		7			5	5.5	Nằm pháy Năm		
17	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	6			8		10			9.5	8.8	Tam pháy Tam		
18	168212002	BÙI THANH	H?A	T16XDD1	9			6		10			8	8.2	Tam pháy Hai		
19	168212003	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDD1	8			6.5		8			6	6.7	Sau pháy Bay		
20	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	8			4		6			6	6.0	Sau		
21	168212007	NGUYỄN	KÊ	T16XDD1	10			5.5		7			5.5	6.4	Sau pháy Bấu		
22	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	7			3		5			7	6.1	Sau pháy Mâu		
23	168212010	TRƯỜNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	8			7		6			4.5	5.6	Nằm pháy Sáu		
24	168212011	ĐINH VĂN	KHOA	T16XDD1	10			5		6			4.5	5.6	Nằm pháy Sáu		
25	168212012	NGUYỄN LƯU Đ?NH	KỶ	T16XDD1	6			7		10			4	5.7	Nằm pháy Bay		
26	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	9			6.5		5			5.5	6.1	Sau pháy Mâu		
27	168212014	NGUYỄN TÂN	LỰC	T16XDD1	7			3		7			3	0.0	Khăng		
28	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	6			4		4			2.5	0.0	Khăng		
29	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	8			9		5			4	5.5	Nằm pháy Năm		
30	168212017	PHẠM THANH	MƯỜI	T16XDD1	8			4		6			4	4.9	Bấu pháy Chèn		
31	168212020	DƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	9			5		8			4	5.5	Nằm pháy Năm		
32	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	7			8		10			3	0.0	Khăng		
33	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	5			3		4			4	4.0	Bấu		
34	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	5			4		7			4	4.6	Bấu pháy Sáu		
35	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	8			8.5		10			4	6.2	Sau pháy Hai		
36	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG	HẢI	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
37	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	5			3		7			5	5.0	Nằm		
38	152210174	PHAN HOÀI	TRỊNH	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
39	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỂN	T16XDD2	9			9		4			4	5.5	Nằm pháy Năm		
40	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	9			7		8			7	7.5	Bay pháy Năm		

Ngày thi: 25/06/2012

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
41	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	T16XDD2	9			9.5		6			4	5.9	Năm <del>pháp</del> Chèn		
42	168212023	PHAN Đ?NH NHÂN	T16XDD2	10			7.5		6			7	7.4	Bá? <del>pháp</del> Bả??		
43	168212026	NGÔ CÔNG PHI	T16XDD2	9			9		9			4	6.3	Sâu <del>pháp</del> Ba		
44	168212027	LÊ MINH PHÚ	T16XDD2	10			4		6			6	6.3	Sâu <del>pháp</del> Ba		
45	168212032	HUỶNH HOÀNG QUỐC	T16XDD2	10			8.5		7			2	0.0	Khăng		
46	168212033	V? MINH QUỐC	T16XDD2	9			6		5			1.5	0.0	Khăng		
47	168212034	HÀ TÂN QUỐC	T16XDD2	5			3		6			2	0.0	Khăng		
48	168212036	TRƯỜNG NGUYỄN SA	T16XDD2	9			9		10			5	7.0	Bá?		
49	168212037	ĐẶNG VĂN SĨ	T16XDD2	9			8		7			4.5	6.1	Sâu <del>pháp</del> Mả?		
50	168212038	NGUYỄN MINH TÂM	T16XDD2	9			7		9			3	0.0	Khăng		
51	168212041	ĐINH QUANG THANH	T16XDD2	8			9.5		10			5	6.9	Sâu <del>pháp</del> Chèn		
52	168212042	PHẠM TRUNG THÀNH	T16XDD2	10			7.5		6			7	7.4	Bá? <del>pháp</del> Bả??		
53	168212043	TRẦN TÀI THÀNH	T16XDD2	8			7		5			6	6.3	Sâu <del>pháp</del> Ba		
54	168212044	ĐẶNG TRUNG THÀNH	T16XDD2	5			3		7			HP	0.0	Khăng		
55	168212045	LÊ PHI THẠNH	T16XDD2	7			3		4			HP	0.0	Khăng		
56	168212050	NGUYỄN CÔNG TRỖI	T16XDD2	6			3		6			1.5	0.0	Khăng		
57	168212052	NGUYỄN THANH TRUNG	T16XDD2	8			9.5		5			5	6.1	Sâu <del>pháp</del> Mả?		
58	168212053	PHẠM MINH TUẤN	T16XDD2	7			9.5		5			3	0.0	Khăng		
59	168212054	VĂN Đ?NH TUẤN	T16XDD2	10			9.5		6			6	7.1	Bá? <del>pháp</del> Mả?		
60	168212055	NGUYỄN XUÂN TY	T16XDD2	10			9.5		5			1	0.0	Khăng		
61	168212057	NGUYỄN ĐỨC VINH	T16XDD2	10			9.5		9			4	6.5	Sâu <del>pháp</del> Năm		
62	168212058	PHẠM VĨNH	T16XDD2	10			9.5		9			2	0.0	Khăng		
63	168212060	TRẦN QUANG VŨ	T16XDD2	7			8.5		8			4	5.7	Năm <del>pháp</del> Bá?		
64	168212061	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDD2	10			9.5		8			9	9.1	Chèn <del>pháp</del> Mả?		
65	168222100	NGUYỄN THANH NGỌC	T16XDD2	10			6		5			6	6.5	Sâu <del>pháp</del> Năm		
66	168222125	TRẦN GIANG TUẤN	T16XDD2	9			4.5		6			5.5	6.0	Sâu		
67	168222129	NGUYỄN Đ?NH VINH	T16XDD2	10			7		8			3	0.0	Khăng		
1	1752	PHAN QUỐC CÔNG	D15XDDB	5			5		4			2.5	0.0	Khăng		
2	1757	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	D15XDDB	4			3		3			1	0.0	Khăng		
3	0173	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	T14XDD	5			5		5			5	5.0	Năm		
4	4569	HUỶNH DUY THUẤN	K13XDD	5			5.5		5			2	0.0	Khăng		

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	43	61%	
2	Số sinh viên nợ	28	39%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>71</b>	<b>100%</b>	

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2012

**LẬP BẢNG**

**KIỂM TRA**

(k? và ghi r? họ tên)

**L?NH ĐẠO KHOA**

(k? và ghi r? họ tên)

**PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú